

TỪ VỰNG CHỦ ĐỀ EDUCATION

Sau đây là tổng hợp từ vựng chủ đề Education mà bạn có thể áp dụng vào các bài [IELTS Writing](#) hoặc [Speaking](#).

Thành ngữ chủ đề Education, Study

- **to learn something by heart** = to *learn* something so well that it can be written or recited without any effort: *học thuộc lòng*
- **bookworm** = a person who reads a lot: *mọt sách*
- **teacher's pet** = a student in a class who is liked best by the teacher and therefore treated better than the other students: *học sinh cưng của giáo viên, được giáo viên yêu thích*
- **to draw a blank** = to fail to get an answer or a result: *không tìm thấy hay nhớ ra điều gì*
- **copycat** = someone who has few ideas of their own and does or says exactly the same as someone else: *người bắt chước ý tưởng của người khác*
- **get the hang of something** = to learn how to do something, esp. when it is not simple or obvious: *hiểu cách làm gì, học cách làm gì đó*
- **to burn the midnight oil** = to study/work late into the night: *thức khuya để học/làm việc*
- **to pass with flying colours** = If you do something such as pass an exam with flying colours, you do it very successfully: *đỗ/đậu ... 1 cách dễ dàng*
- **to go back to basis** = to return to teaching or paying attention to the most important aspects of a subject or activity: *quay lại những điều cốt lõi*
- **to cover a lot of ground** = to review a large amount of information or discuss many topics: *xem lại thật nhiều tài liệu, thông tin*

Từ vựng về cấp bậc giáo dục

- **kindergarten (n)**: *mẫu giáo*

= (especially North American English) a school or class to prepare children aged five for school

= (British English, Australian English, New Zealand English) [nursery school](#) (= a school for children between the ages of about two and five)

- **primary school (n)**: *tiểu học*

A **primary school** (in Ireland, the UK & Australia), **junior school** (in Australia), **elementary school** or **grade school** (in the US & Canada) is a school for primary education of children who are four to eleven years of age (and sometimes up to thirteen years of age).

- **secondary school (n)** = a school for young people between the ages of 11 and 16 or 18: *trung học*

- **university (n)** = an institution at the highest level of education where you can study for a degree or do research: *đại học*

Từ vựng chủ đề Education

- **to get higher academic results:** đạt được kết quả học tập cao
- **to study abroad = to study in a different country:** du học
- **to drop out of school:** bỏ học
- **to gain international qualifications:** có được bằng cấp quốc tế
- **to improve educational outcomes:** nâng cao đầu ra của giáo dục
- **to top international educational league tables:** xếp đầu bảng giáo dục quốc tế
- **to encourage independent learning:** thúc đẩy việc tự học
- **to pass/fail the exam:** đậu/ rớt kỳ thi
- **to gain in-depth knowledge:** có được kiến thức sâu sắc
- **core subjects such as science, English and maths:** những môn học nòng cốt như khoa học, tiếng Anh và toán
- **to have the opportunity to ... :** có cơ hội làm gì
- **to interact and take part in group work activities:** tương tác và tham gia vào các hoạt động nhóm
- **opposite-sex classmates:** bạn khác giới
- **to learn a wide range of skills:** học được các kỹ năng khác nhau
- **communication or teamwork skills:** kỹ năng giao tiếp hay làm việc nhóm
- **co-existence and gender equality:** sự cùng tồn tại và sự bình đẳng giới

Từ vựng Study abroad

Lợi ích

- **It gives you the opportunity to experience a different way of living/ make new friends:** Nó mang đến cho bạn cơ hội trải nghiệm một cách sống khác / kết bạn mới.
- **Living on your own while studying abroad makes you more independent because you have to learn to cook, clean, pay bills and take care of yourself:** Sống một mình trong khi du học ở nước ngoài làm bạn trở nên tự lập hơn vì bạn phải học cách nấu ăn, dọn dẹp, chi trả hóa đơn và chăm sóc chính bản thân bạn.
- **You can learn invaluable life lessons and practical skills such as stress management, communication or problem-solving skills which are very important for your future career:** Bạn có thể học các bài học cuộc sống vô giá và các kỹ năng thực hành như quản lý căng thẳng, giao tiếp hoặc kỹ năng giải quyết vấn đề rất quan trọng cho sự nghiệp tương lai của bạn.
- **It gives you the chance to improve your speaking skills:** Nó mang lại cho bạn cơ hội để cải thiện kỹ năng nói của bạn.
- **Recruiters tend to favour candidates graduating from an international university over those who don't have any international qualification:** Các nhà tuyển

dụng có khuynh hướng ưu ái các ứng cử viên tốt nghiệp từ một trường đại học quốc tế hơn là những người không có bằng cấp quốc tế.

*** **favour A over B** là 1 công thức rất hay, có nghĩa ưu ái/thích A hơn B

Khó khăn

- **You might encounter culture shock and other culture-related problems:** Bạn có thể gặp phải cú sốc văn hóa và các vấn đề liên quan đến văn hóa khác.
- **Living costs in some countries are very high. Many overseas students have to do a part-time job to pay for their bills. This can affect their studies:** Chi phí sinh hoạt ở một số nước rất cao. Nhiều sinh viên nước ngoài phải làm công việc bán thời gian để trả tiền cho hóa đơn của họ. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc học của họ.
- **You might experience feelings of frustration, loneliness and homesickness:** Bạn có thể cảm thấy thất vọng, cô đơn và nhớ nhà
- **If you are struggling with the language of the country you are hoping to study in, you will face lots of problems:** Nếu bạn đang gặp khó khăn với ngôn ngữ của đất nước mà bạn đang hy vọng được học tập, bạn sẽ gặp rất nhiều vấn đề.

Bài mẫu IELTS Writing Task 2 chủ đề Education

Đề bài: Some people think that it is better to educate boys and girls in separate schools. Others, however, believe that boys and girls benefit more from attending mixed schools. Discuss both these views and give your own opinion.

Dịch đề: Một số người nói rằng tốt hơn nên đưa trẻ nam và trẻ nữ tới các trường học riêng biệt (chỉ dành cho 1 giới). Tuy nhiên, một số người khác lại tin rằng nam và nữ có lợi hơn khi tham gia trường 2 giới. Thảo luận cả hai quan điểm và đưa ra ý kiến của bạn.

It is argued by some that students would benefit more when they attend single-sex schools. In my opinion, however, it would be better for them to enter mixed-gender education.

On the one hand, the primary reason why some people support single-gender education would be students' better academic results. When boys and girls are taught separately, there is little chance for early relationships. This is considered as one of the most distracting problems for teenage and adolescent students. Without worrying about these distractions, students might be able to concentrate more on their study, and therefore, might get higher grades than those at co-ed schools. Despite this being true to some extent, having no interaction with the opposite sex will cause these students a lot of troubles later in life, especially in their careers.

On the other hand, I would argue that mixed-sex education is a better option because students are better prepared for their future jobs. Nowadays, it is almost impossible to find a company where there is only male or female staff. Therefore, those who graduate from single-

sex schools, despite their **higher academic results**, might find it hard to **work collaboratively with** their colleagues of the opposite sex. By contrast, people from mixed schools might **easily cooperate with** their opposite-gender partners since they have learned how to **communicate and interact effectively with** opposite-sex classmates during their time at school.

In conclusion, although some people think that it is more beneficial to send students to single-sex schools, I personally believe that mixed-gender education **brings more benefits for** students.

(257 words, written by [Nguyen Huyen](#))